BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2026

GIỚI THIỆU
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường gồm 17 điều, được thông qua tại kỳ họp với đa số đại biểu tham gia biểu quyết tán thành, thể hiện sự thống nhất cao. Luật được ban hành nhằm mục đích thể chế hoá để kịp thời thực hiện chủ trương của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, tổ chức chính quyền 2 cấp; phân quyền, phân cấp; đơn giản hoá thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh; kịp thời xử lý các bất cập, điểm nghẽn do quy định pháp luật, vấn đề phát sinh từ thực tiễn quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, giải phóng nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Cơ sở chính trị

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường được xây dựng nhằm thể chế hóa kịp thời, đầy đủ các chủ trương, đường lối lớn của Đảng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với mô hình chính quyền địa phương hai cấp; cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh; tháo gỡ các "điểm nghẽn" pháp lý để giải phóng nguồn lực cho phát triển.

Các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong giai đoạn 2017–2025 đã đặt ra yêu cầu cấp thiết phải rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật để bảo đảm tính đồng bộ với tổ chức bộ máy mới của Nhà nước; khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, bất cập trong các luật chuyên ngành; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm của quá trình xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; từ bỏ tư duy "không quản được thì cấm", giảm chi phí tuân thủ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế sâu rộng.

2. Cơ sở pháp lý

Việc ban hành Luật xuất phát từ yêu cầu cụ thể của Hiến pháp (sửa đổi năm 2025) và các luật, nghị quyết của Quốc hội về tổ chức bộ máy nhà nước, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, phân định thẩm quyền giữa Trung ương và địa phương, cũng như các nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về

điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2025.

Đặc biệt, các quy định về kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện từ ngày 01/7/2025; yêu cầu hoàn thành sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trước ngày 01/3/2027; quy định cho phép ban hành văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước là cơ sở pháp lý trực tiếp, quan trọng cho việc xây dựng Luật này.

Nghị quyết số 98/2025/UBTVQH15 ngày 10/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2025; trong đó, giao Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường tại Phiên họp tháng 10/2025, trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025).

2.3. Cơ sở thực tiễn

Thực tiễn triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường thời gian qua cho thấy nhiều quy định của các luật hiện hành không còn phù hợp, chưa theo kịp yêu cầu tổ chức bộ máy mới, dẫn đến khó khăn trong tổ chức thực hiện ở địa phương.

Bên cạnh đó, yêu cầu cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao, bền vững đặt ra sức ép rất lớn đối với việc sửa đổi các quy định pháp luật còn rườm rà, gây tốn kém chi phí và thời gian cho người dân, doanh nghiệp.

Ngoài ra, nhiều "điểm nghẽn", "nút thắt" pháp lý đã được nhận diện rõ trong quá trình quản lý nhà nước về nông nghiệp và môi trường (quản lý sinh vật ngoại lai, khảo nghiệm giống và thức ăn chăn nuôi, đánh giá tác động môi trường, quản lý tài nguyên nước, đê điều, lâm nghiệp…) cần được xử lý ngay, nếu không sẽ tiếp tục kìm hãm phát triển kinh tế – xã hội. Do đó, việc sửa đổi đồng thời 15 luật trong một đạo luật là giải pháp khả thi, hiệu quả và cấp bách.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn nêu trên, với mục tiêu bảo đảm tính hợp Hiến, hợp pháp, đồng bộ, thống nhất và sớm điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với sắp xếp tổ chức bộ máy, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; thực hiện đơn giản thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh; kịp thời xử lý các bất cập, điểm nghẽn do quy định pháp luật, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, giải phòng nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, việc đề xuất xây dựng, trình dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường là cần thiết, cấp bách.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích xây dựng

Việc xây dựng, ban hành dự án Luật nhằm sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường để thực hiện chủ trương và thực tế về sắp xếp tổ chức bộ máy; tổ chức chính quyền 02 cấp; phân quyền, phân cấp; đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh

doanh và giải quyết các "điểm nghẽn" do quy định của pháp luật, vấn đề cấp bách, phát sinh từ thực tiễn quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

2. Quan điểm xây dựng

- *Một là*, thể chế hóa để kịp thời thực hiện chủ trương của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; bảo đảm phù hợp với Hiến pháp và bám sát các Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, các văn bản chỉ đạo liên quan của cấp có thẩm quyền.

- *Hai là*, thể chế hóa quan điểm của Đảng, chính sách của nhà nước về cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư sản xuất, kinh doanh, cải thiện môi trường kinh doanh thực chất, hiệu quả.

- *Ba là*, thực hiện chủ trương của Bộ chính trị về tháo gỡ những "điểm nghẽn" do quy định pháp luật trong năm 2025 theo mục tiêu được chỉ rõ tại Nghị quyết số 66-NQ/TW; ý kiến chỉ đạo Tổng Bí thư Tô Lâm[1], Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật tại Phiên họp chuyên đề của Ban Chỉ đạo.

- *Bốn là*, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất, đồng bộ, liên thông trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

III. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, gồm: Luật Bảo vệ môi trường; Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Luật chăn nuôi; Luật Đa dạng sinh học; Luật Đê điều; Luật Đo đạc và Bản đồ; Luật Khí tượng thủy văn; Luật Lâm nghiệp; Luật Phòng, Chống thiên tai; Luật Tài nguyên nước; Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Luật Thú y; Luật Thủy lợi; Luật thủy sản; Luật Trồng trọt (Luật Đất đai, Luật Địa chất và Khoáng sản sửa đổi riêng), với 03 nhóm nội dung sau:

a) Quy định các nội dung, quy định liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính, phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, gồm:

- Nhóm nội dung về sửa đổi, bổ sung 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường để thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước (*thay đổi tên gọi*)

- Nhóm nội dung về sửa đổi, bổ sung 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường để phân định thẩm quyền liên quan đến chính quyền địa phương 02 cấp đã được Chính phủ "tạm thời" xử lý tại Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2025.

---

[1] Tại Thông báo số 08-TB/BCĐTW về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm

Dự án Luật thực hiện sửa đổi, bổ sung 67 Điều tại 14 Luật[2] để xử lý quy định "tạm thời" về phân định 53 thẩm quyền tại Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.

- Nhóm nội dung về sửa đổi, bổ sung 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường để thực hiện phân quyền, phân cấp đã được Chính phủ "tạm thời" xử lý tại Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2025. Dự thảo Luật đã thực hiện sửa đổi, bổ sung 112 Điều tại 14 Luật[3] để xử lý quy định "tạm thời" về phân quyền, phân cấp 137 thẩm quyền tại Nghị định số 136/2025/NĐ-CP.

Đối với nhóm nội dung này, Quốc hội đã cho phép các cơ quan có thẩm quyền xây dựng văn bản theo trình tự, rút gọn tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 để xử lý: "Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền *ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước*, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/3/2027". Việc sửa đổi, bổ sung các quy định về sắp xếp tổ chức bộ máy, chính quyền hai cấp không làm phát sinh chính sách, chỉ xử lý kỹ thuật.

b) Cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục hành chính

Đây là nhóm nội dung cần xử lý tại 15 luật để thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ[4] về cải cách, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm và thúc đẩy đổi mới, sáng tạo. Dự thảo Luật thực hiện sửa đổi, bổ sung **75** điều (*26 điều về điều kiện đầu tư kinh doanh, 49 điều về thủ tục hành chính*) tại 11 Luật[5] để thực hiện phương án cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh đơn giản thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 66/NQ-CP đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án tại Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Giải quyết, xử lý ngay, kịp thời các vướng mắc, bất cập, điểm nghẽn do quy định của pháp luật

Đây là nhóm nội dung cấp bách đòi hỏi phải xử lý ngay các "điểm nghẽn", "nút thắt" do quy định của pháp luật nhằm khơi thông nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội đồng thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý nhà

---

[2] *14 luật gồm*: Luật Chăn nuôi, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Luật Thú y, Luật Trồng trọt, Luật Thủy sản, Luật Thủy lợi, Luật Bảo vệ môi trường; Luật Phòng, Chống thiên tai, Luật Đê điều, Luật Tài nguyên nước, Luật Khí tượng thủy văn, Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo, Luật Đo đạc và Bản đồ, Luật Tài nguyên nước.

[3] *14 Luật gồm*: Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, Luật Trồng trọt, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Luật Thủy sản, Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường; Luật Thủy lợi, Luật Đê điều, Luật Đa dạng sinh học, Luật Khí tượng Thủy văn, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Luật Đo đạc và Bản đồ, Luật Tài nguyên nước.

[4] *Nghị quyết 66/NQ-CP* ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 đặt ra mục tiêu năm 2025 như sau: Cắt giảm, đơn giản hoá ngay thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các thủ tục hành chính, 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính".

[5] *10 Luật gồm*: Luật Thủy sản, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, Luật Tài nguyên nước, Luật Đa dạng sinh học, Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo, Luật Khí tượng thủy văn, Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường.

nước. Chính phủ xác định chỉ sửa đổi, bổ sung một số quy định thực sự là "điểm nghẽn", vướng mắc nhất để đưa vào sửa đổi tại dự án Luật theo yêu cầu của Bộ Chính trị là "Năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những "điểm nghẽn" do quy định pháp luật" được chỉ rõ tại Nghị quyết số 66-NQ/TW, Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW ngày 10/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương, Thông báo số 05-TB/BCĐTW ngày 11/6/2025 của Tổng Bí thư Tô Lâm. Các khó khăn, vướng mắc khác do quy định pháp luật sẽ thực hiện tổng kết, đánh giá và xử lý khi sửa đổi tổng thể từng dự án luật trong giai đoạn 2026 - 2030. Do đó, dự án Luật đã xác định 20 "điểm nghẽn" cần tháo gỡ ngay trong năm 2025, đảm bảo tiêu chí tại Điều 2 Nghị quyết số 206/2025/QH15.

2. Bố cục dự án Luật

Dự án Luật được bố cục gồm 17 Điều, cụ thể:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật

- Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chăn nuôi

- Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đa dạng sinh học

- Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đê điều

- Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ

- Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khí tượng thủy văn

- Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lâm nghiệp

- Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, Chống thiên tai

- Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tài nguyên nước

- Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

- Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thú y

- Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thủy lợi

- Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thủy sản

- Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trồng trọt

- Điều 16. Hiệu lực thi hành: Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026, trừ trường hợp quy định về việc lập quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thuỷ lợi lưu vực sông liên tỉnh được thực hiện từ ngày 01/01/2027.

- Điều 17. Quy định chuyển tiếp: Dự thảo Luật quy định một số nội dung liên quan đến điều khoản chuyển tiếp để đảm bảo bao quát hết các trường hợp phát sinh khi sửa đổi, bổ sung các luật như việc tiếp tục giải quyết các thủ tục hành chính về giao rừng, trồng rừng; thủy sản; giống cây trồng.

3. Nội dung của dự án Luật

3.1. Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung 16 nội dung, cụ thể:

- *Luật Thú y:* Sửa đổi biện pháp quản lý chất lượng thuốc thú y theo hướng miễn công bố hợp quy tại khoản 1, khoản 2 Điều 78 Luật Thú y.

- *Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật:* Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 13 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật theo 02 phương án: (1) Đưa đất, nhập khẩu sinh vật gây hại vào Việt Nam, nhân nuôi sinh vật gây hại, trừ trường hợp phục vụ nghiên cứu khoa học, cây mang theo bầu đất đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Chính phủ; (2) Đưa đất, nhập khẩu sinh vật gây hại vào Việt Nam, nhân nuôi sinh vật gây hại trừ trường hợp phục vụ nghiên cứu khoa học.

- *Luật Chăn nuôi:* Sửa đổi khoản 3, 4 Điều 26; khoản 4 Điều 37 theo hướng không quy định phải có "quy chuẩn kỹ thuật quốc gia" về khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi; về khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi mà chỉ cần có "quy định" về khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi; về khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi.

- Luật Lâm nghiệp: 02 nội dung sửa đổi, bổ sung

+ Sửa đổi Điều 11 Luật Lâm nghiệp để phù hợp với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch.

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 19, Điều 20 về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, tạm sử dụng rừng để đảm bảo phù hợp với Luật Đất đai.

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 21 về trồng rừng thay thế theo hướng mở rộng phạm vi sử dụng kinh phí, cho phép dùng linh hoạt cho các hoạt động lâm sinh có giá trị sinh thái tương đương, góp phần giải quyết khó khăn về quỹ đất trồng rừng, thực hiện hiệu quả cam kết quốc gia về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

- Luật Tài nguyên nước: 03 nội dung sửa đổi, bổ sung

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 8 về hành vi cấm "*lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác* để đảm bảo thống nhất cách hiểu trong quá trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 12, Điều 16, Điều 17 Luật Tài nguyên nước về tích hợp quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh theo hướng hợp nhất Quy hoạch thủy lợi vào Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh.

+ Sửa đổi Điều 51 theo hướng bổ sung thẩm quyền quan trắc tài nguyên nước đối với nguồn nước dưới đất cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để bảo đảm quản lý, bảo vệ tài nguyên nước nói chung, tài nguyên nước dưới đất nói riêng.

- Luật Đê điều: 03 nội dung sửa đổi, bổ sung

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 23 về hành lang bảo vệ đê theo hướng bổ sung cụm từ *"hiện có"* để làm rõ quy định về "Hành lang bảo vệ đê" ở những vị trí đê đi qua khu dân cư, khu đô thị và khu du lịch *hiện có*"; đồng thời, bổ sung cụm từ *"về phía biển"* để làm rõ hành lang bảo vệ đối với đê biển để đảm bảo chặt chẽ, đầy đủ, không gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành Luật.

+ Sửa đổi khoản 16 Điều 3; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 27 theo hướng

quy định cụ thể về xử lý công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao để thống nhất cách hiểu, tránh khó khăn vướng mắc trong công tác quản lý, thi hành Luật và thực hiện các quy hoạch.

- Luật Bảo vệ môi trường:

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 30, khoản 3 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường để phù hợp với quy định của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất khoáng sản;

+ Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 28 theo hướng không yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên, yêu cầu di dân, tái định cư là yếu tố nhạy cảm về môi trường.

+ Sửa đổi khoản 3 Điều 31 về đánh giá tác động môi trường dự án thành phần và phân kỳ đầu tư dự án để bảo đảm đồng bộ với pháp luật về xây dựng (được ban hành năm 2024), tạo điều kiện thuận lợi hơn cho chủ dự án khi thực hiện TTHC về môi trường

+ Sửa đổi điểm a khoản 1 và bổ sung khoản 6a Điều 51; sửa đổi khoản 1, bổ sung điểm a khoản 2, điểm c khoản 3, điểm b khoản 6, bổ sung điểm d khoản 6 Điều 52; sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 111 về hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường khu, cụm công nghiệp.

+ Sửa đổi khoản 1 và khoản 3 Điều 71 về phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất theo hướng quy định lộ trình tỷ lệ và lộ trình nhập khẩu phế liệu để phù hợp, nhất quán với chính sách, quy định của Nhà nước trong phát triển nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn quốc gia và phát triển bền vững.

+ Sửa đổi khoản 1 Điều 151 về Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để đảm bảo đồng bộ về quy định địa vị pháp lý của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh phù hợp với Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định tại một số Luật để đảm bảo phù hợp với quy định của các luật vừa mới ban hành hoặc dự án Luật đang sửa đổi, bổ sung như Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất khoáng sản; dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch:

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 30, khoản 3 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường để phù hợp với quy định của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất khoáng sản;

+ Sửa đổi Điều 23, điểm a khoản 2 Điều 26 Luật Thủy sản; bãi bỏ khoản 3 Điều 25 Luật Trồng trọt; sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 78 Luật Thú y; bãi bỏ khoản 4 Điều 102 Luật Bảo vệ môi trường để thống nhất với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

+ Sửa khoản 1 Điều 151 Luật Bảo vệ môi trường theo hướng quy định Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thay vì là tổ chức tài chính nhà nước để có sự đồng bộ giữa Luật Bảo vệ môi trường và Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

+ Bãi bỏ Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, sửa đổi khoản 2 Điều 2, điểm a khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 49 Luật Thủy lợi; sửa đổi khoản 1 Điều 12 Luật Tài nguyên nước; sửa đổi Điều 11 Luật Lâm nghiệp để phù hợp với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch.

3.2. Nội dung bổ sung

Dự án Luật bổ sung 02 nội dung, cụ thể:

- *Luật Trồng trọt:* Bổ sung quy định hướng dẫn cấp mã số vùng trồng mà chưa có quy định hướng dẫn cấp và quản lý cơ sở đóng gói để làm cơ sở pháp lý quy định văn bản hướng dẫn thực hiện tại Điều 64.

- *Luật Lâm nghiệp*: Sửa đổi Điều 63 về dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng để bổ sung nội dung này làm cơ sở pháp lý để ban hành văn bản triển khai thực hiện.

3.3. Nội dung lược bỏ

Dự án Luật lược bỏ các quy định tại 03 nhóm nội dung, cụ thể:

- Nhóm nội dung về vướng mắc, khó khăn:

+ *Luật Trồng trọt:* Bãi bỏ khoản 10 Điều 9, Điều 57 quy định về tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước; Bãi bỏ khoản 3 Điều 25 Luật Trồng trọt; bãi bỏ khoản 4 Điều 102 Luật Bảo vệ môi trường để thống nhất với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

+ *Luật Đa dạng sinh học*: Bãi bỏ Điều 52 về quản lý sinh vật ngoại lai.

- Nhóm nội dung về sắp xếp tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp: Bãi bỏ các quy định thẩm quyền, trách nhiệm của cấp huyện tại 14 Luật[6].

- Nhóm nội dung bãi bỏ các điều kiện đầu tư kinh doanh: Bãi bỏ các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh, cụ thể:

+ *Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật:* Bãi bỏ điều kiện đầu tư kinh doanh

---

[6] **Bãi bỏ các quy định thẩm quyền, trách nhiệm của cấp huyện tại 14 Luật, gồm:**

+ Luật Bảo vệ môi trường: Điểm b, điểm c khoản 1 Điều 19; điểm đ khoản 1 Điều 160 và khoản 2 Điều 168.

+ Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật: Điểm đ khoản 1 Điều 8; Điều 9; khoản 3 Điều 18

+ Luật Chăn nuôi: Khoản 2 Điều 80

+ Luật Đê điều: Điểm b khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 27; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm c khoản 2 Điều 35; điểm đ khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 43 Luật Đê điều; khoản 2 Điều 43

+ Luật Đo đạc và bản đồ: Điểm b khoản 4 Điều 19; khoản 1 Điều 25; điểm c khoản 1 Điều 26; khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 58

+ Luật Khí tượng thủy văn: Khoản 2 Điều 53

+ Luật Lâm nghiệp: Khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 15; khoản 1 Điều 19; khoản 2 Điều 23; khoản 4 Điều 34; khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 58; khoản 2 Điều 100; khoản 2 Điều 102; khoản 2 Điều 105

+ Luật Phòng, Chống thiên tai: Khoản 3 Điều 15; khoản 1 Điều 28; điểm c khoản 2 Điều 33; khoản 1 Điều 43

+ Luật Tài nguyên nước: Khoản 5 Điều 32; khoản 2 Điều 71; khoản 2 Điều 76; điểm b, c khoản 3 Điều 76

+ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo: Khoản 2 Điều 74.

+ Luật Thú y: Điểm c khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 9; điểm d khoản 3 Điều 9; điểm c khoản 2 Điều 19; tên khoản 3 Điều 19; điểm d khoản 3 Điều 19; điểm b khoản 3 Điều 25; tên khoản 4 Điều 25; điểm b khoản 4 Điều 25; khoản 4 Điều 26; khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 4 Điều 27; điểm đ, e khoản 5 Điều 27; điểm đ, e, g khoản 4 Điều 33; Khoản 5 Điều 33; khoản 4 Điều 35; điểm đ, e khoản 5 Điều 35; điểm d khoản 7 Điều 35; khoản 2 Điều 76.

+ Luật Thủy lợi: Điểm b khoản 1 Điều 21; điểm b khoản 3 Điều 24; điểm b khoản 3 Điều 41; khoản 3 Điều 48; khoản 2 Điều 57; điểm d khoản 3 Điều 57

+ Luật Thủy sản: Điểm a, b khoản 2 Điều 10; điểm a khoản 2 Điều 44; điểm c khoản 3 Điều 79; khoản 2 Điều 102

+ Luật Trồng trọt: Khoản 2 Điều 83

dịch vụ bảo vệ thực vật quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23; bãi bỏ điều kiện đối với tổ chức hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37; bãi bỏ điều kiện đối với cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 61; Đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 63.

+ *Luật Chăn nuôi:* Bãi bỏ điều kiện về biện pháp bảo đảm an toàn cho người, vật nuôi, môi trường xung quanh tại điểm c khoản 4 Điều 23; bãi bỏ điều kiện về nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi tại điểm b khoản 1 Điều 54; bãi bỏ điều kiện về biện pháp bảo vệ môi trường đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường quy định tại điểm k khoản 1 Điều 38; bãi bỏ điều kiện về nhãn hoặc tài liệu tại Điều 46; bãi bỏ điều kiện công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; nhãn hoặc tài liệu kèm theo thức ăn chăn nuôi thực hiện theo quy định tại Điều 46 của Luật Chăn nuôi tại khoản 1, khoản 5 Điều 32; bãi bỏ điều kiện vị trí xây dựng trang trại phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, chiến lược phát triển chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi; Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi; Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Có chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi; Có hồ sơ ghi chép quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc-xin và thông tin khác để bảo đảm truy xuất nguồn gốc; lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ chăn nuôi; Có khoảng cách an toàn từ khu vực chăn nuôi trang trại đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi và từ nguồn gây ô nhiễm đến khu vực chăn nuôi trang trại; Tổ chức, cá nhân chăn nuôi trang trại quy mô lớn phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi tại điểm a khoản 3 Điều 37; bãi bỏ điều kiện báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, Thiết bị, dụng cụ đo lường để giám sát chất lượng, bảo đảm độ chính xác theo quy định của pháp luật về đo lường, kho bảo quản sản phẩm xử lý chất thải, chăn nuôi cần chế độ bảo quản riêng, kiểm soát bao bì, kiểm soát tái chế, kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh thiết bị; kiểm soát động vật gây hại; kiểm soát người ra, vào và khách thăm quan cơ sở sản xuất tại điểm b, d, đ khoản 1 Điều 63; bãi bỏ có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi, có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường tại điểm b, c khoản 1 Điều 55; bãi bỏ điều kiện Cơ sở nuôi đàn giống cấp bố mẹ đối với lợn, gia cầm, đàn nhân giống, sản xuất con giống vật nuôi phải có nhân viên kỹ thuật được đào tạo về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, thú y, sinh học tại điểm d khoản 2 Điều 22; bãi bỏ điều kiện kê khai đực giống với Ủy ban nhân dân cấp xã tại điểm a khoản 3 Điều 23; sửa đổi khoản 1 Điều 27 đối với điều kiện quy định tại Điều 55 của Luật Chăn nuôi.

+ Luật Khí tượng thủy văn: Cắt giảm điều kiện về nhân lực quy định tại điểm c khoản 4 Điều 25.

+ Luật Tài nguyên nước: Bãi bỏ điều kiện đầu tư kinh doanh cấp giấy phép

thăm dò nước dưới đất tại điểm b khoản 2 Điều 57; bãi bỏ điều kiện về điều kiện đầu tư kinh doanh cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước tại điểm c, d khoản 1 Điều 57; bãi bỏ về điều kiện đầu tư kinh doanh về đầu tư, xây dựng đập, hồ chứa trên sông, suối tại khoản 3 Điều 57.

+ Luật Thú y: Cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh tại điểm b khoản 2 Điều 73 (Yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán, phẫu thuật động vật: 01 điều kiện); khoản 1, khoản 6 Điều 90 (Điều kiện sản xuất thuốc thú y: 02 điều kiện; Điều kiện đối với cơ sở sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin: 02 điều kiện); khoản 1 Điều 92 (Điều kiện buôn bán thuốc thú y: 01 điều kiện; Điều kiện nhập khẩu thuốc thú y: 01 điều kiện); điểm b khoản 1 Điều 108 (Điều kiện hành nghề thú y (đối với cá nhân hành nghề thú y): 01 điều kiện; Điều kiện hành nghề thú y (đối với tổ chức hành nghề thú y: 01 điều kiện).

+ Luật Thủy sản: Cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 63.

+ Luật Trồng trọt: Bãi bỏ điều kiện buôn bán giống cây trồng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22; điều kiện công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40; điều kiện sản xuất phân bón quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 41; điều kiện buôn bán phân bón quy định tại điểm b khoản 2 Điều 42; Bãi bỏ cụm từ "cơ sở hạ tầng" tại điểm b khoản 1 Điều 22.

+ Luật Bảo vệ môi trường: Bãi bỏ điểm c, đ, e, g khoản 3 Điều 84, khoản 5, khoản 7 Điều 85 về điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại; sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 83 về điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh xử lý chất thải nguy hại.

3.4. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Các thủ tục hành chính được cắt giảm, đơn giản hóa tại dự án Luật được quy định theo hướng: Đơn giản hóa các thủ tục hành chính (TTHC) từ thành phần hồ sơ; rút ngắn thời gian giải quyết các TTHC; gộp, liên thông các TTHC như cấp phép nuôi trồng thủy sản và giao khu vực biển; bãi bỏ việc lập thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo hướng lồng ghép việc đánh giá tác động môi trường trong quá trình cấp phép nhận chìm ở biển. Theo đó, dự án Luật thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính cụ thể như sau:

- *Luật Trồng trọt:* Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính về điều kiện nhập khẩu phân bón tại điểm h khoản 2 Điều 44; sửa đổi về hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động trồng trọt tại khoản 3 Điều 9; sửa đổi về quy định tên giống cây trồng tại khoản 1 Điều 14; bãi bỏ hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động trồng trọt tại khoản 10 Điều 9, Điều 57; sửa đổi thời hạn quyết định công nhận lưu hành giống tại khoản 2 Điều 15; quy định chuyển tiếp đối với quyết định về phân bón tại khoản 3 Điều 85.

- *Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật:* Bãi bỏ thủ tục hành chính cấp thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; cắt giảm thành phần hồ sơ đối với thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; cắt giảm, đơn giản hóa nhiều thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuốc bảo

vệ thực vật (thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật, cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật, cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật) tại khoản 2 Điều 56, khoản 3 Điều 57; điểm b khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 2 Điều 52; điểm b khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 3 Điều 52; điểm b, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 65; Điều 37; điểm b, điểm c khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 4 Điều 67; khoản 2 Điều 65.

- *Luật Thủy sản:* Gộp thủ tục giao khu vực biển và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển thành 01 thủ tục do 01 cơ quan thực hiện tại Điều 39, Điều 44 Luật Thuỷ sản; giảm thời gian thực hiện công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, giống thủy sản tại Điều 38; Giảm thời gian thực hiện thủ tục cấp văn bản chấp thuận cho tàu cá khai thác thuỷ sản ở vùng biển ngoài vùng biển Việt Nam tại Điều 55; rút ngắn thời gian cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá tại khoản 3 Điều 27; rút ngắn thời gian cấp phép xuất khẩu loài thủy sản có tên trong Danh mục loài thủy sản cấm xuất khẩu hoặc trong Danh mục loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện nhưng không đáp ứng đủ điều kiện tại điểm c khoản 3 Điều 27; giảm thời gian công bố mở cảng cá loại I tại điểm a khoản 3 Điều 79; Bãi bỏ một số thành phần hồ sơ và đối tượng thực hiện cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản tại điểm a khoản 3 Điều 25; quy định cụ thể về xóa đăng ký tàu cá tại Điều 72.

- *Luật Chăn nuôi:* Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính "Nhập khẩu lần đầu đực giống, tinh, phôi, giống gia súc" (sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 20), Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung, Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung (sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2, điểm b khoản 5 Điều 34), Công nhận dòng, giống vật nuôi mới (sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 30); Xuất khẩu giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo (sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 21 Luật Chăn nuôi).

- *Luật Thú y:* Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính tại điểm d khoản 2 Điều 109 (Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền của Cục Thú y (gồm Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y); khoản 1 Điều 110 (Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y); điểm d khoản 2; điểm a khoản 5 Điều 109 (Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y); khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 110 (Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y); khoản 3 Điều 80 (Cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y; Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y (trong trường hợp thay đổi thành phần, công thức, dạng bào chế, đường dùng, liều dùng, chỉ định điều trị của thuốc thú y; thay đổi phương pháp, quy trình sản xuất mà làm thay đổi chất lượng sản phẩm; đánh giá lại chất lượng, hiệu quả, độ an toàn của thuốc thú y theo quy định); điểm b khoản 4 Điều

78 (Cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y; Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y (trong trường hợp thay đổi thành phần, công thức, dạng bào chế, đường dùng, liều dùng, chỉ định điều trị của thuốc thú y; thay đổi phương pháp, quy trình sản xuất mà làm thay đổi chất lượng sản phẩm; đánh giá lại chất lượng, hiệu quả, độ an toàn của thuốc thú y theo quy định); khoản 1 Điều 110 (Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi, bổ sung tên sản phẩm; tên, địa điểm cơ sở đăng ký; tên, địa điểm cơ sở sản xuất; quy cách đóng gói của sản phẩm; hình thức nhãn thuốc; hạn sử dụng và thời gian ngừng sử dụng thuốc; chống chỉ định điều trị; liệu trình điều trị; những thay đổi nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả, độ an toàn của thuốc thú y); Điều 82 (Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi, bổ sung tên sản phẩm; tên, địa điểm cơ sở đăng ký; tên, địa điểm cơ sở sản xuất; quy cách đóng gói của sản phẩm; hình thức nhãn thuốc; hạn sử dụng và thời gian ngừng sử dụng thuốc; chống chỉ định điều trị; liệu trình điều trị; những thay đổi nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả, độ an toàn của thuốc thú y); Điều 81 (Gia hạn giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y; khoản 2 Điều 86 (Cấp lại giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc thay đổi tên thuốc thú y, thông tin của tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm thuốc thú y); Điều 96 (Cấp, sửa đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma tuý, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)); điểm b khoản 2 Điều 97 (Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y; khoản 1, khoản 2 Điều 78 (Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (lĩnh vực thú y); khoản 2 Điều 85 (Cấp giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y; khoản 2 Điều 46 (Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước; khoản 2 Điều 49 (Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; khoản 2 Điều 42 (Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu; Điều 56 (Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm.

- *Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo*: Bỏ thủ tục hành chính về thẩm định ĐTM khi cấp phép nhận chìm ở biển, thực hiện lồng ghép 2 thủ tục hành chính về thẩm định ĐTM và cấp giấy phép nhận chìm ở biển thành một thủ tục hành chính do có nhiều nội dung trùng lặp tại Điều 60; bỏ thủ tục lấy ý kiến tại khoản 3 Điều 13; bỏ thủ tục lấy ý kiến các Bộ ngành trong việc thực hiện cấp phép nghiên cứu khoa học cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại khoản 2, khoản 3 Điều 19; bỏ trường hợp phải có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại điểm g khoản 2 Điều 20.

- *Luật Đa dạng sinh học:* Bãi bỏ thủ tục hành chính về đăng ký tiếp cận nguồn gen quy định tại khoản 1 Điều 57, khoản 1 Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 59; bãi bỏ thủ tục hành chính xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích quy định tại khoản 2 Điều 58.

- *Luật Lâm nghiệp:* Bãi bỏ đối tượng "hộ gia đình" là đối tượng được giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất tại Điều 16.

- *Luật Bảo vệ môi trường*: Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 28; khoản 6, khoản 9 Điều 34 về thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; sửa đổi, bổ sung Điều 41, Điều 43 về cấp giấy phép môi trường.

3.5. Nội dung phân quyền, phân cấp

a) Nội dung phân quyền theo Nghị định số 136/2025/NĐ-CP, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP

Thực hiện việc phân quyền đã được Chính phủ "tạm thời" xử lý tại Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Nghị định số 136/2025/NĐ-CP đã xử lý 137 thẩm quyền phân quyền, phân cấp giữa các cơ quan trung ương và từ cơ quan trung ương cho địa phương. Theo đó, dự thảo Luật đã thực hiện sửa đổi, bổ sung 112 Điều tại 14 Luật để quy định việc phân quyền, phân cấp đã được phân quyền, phân cấp "tạm thời" tại Nghị định số 136/2025/NĐ-CP theo hướng thay đổi cụm từ "Chính phủ", "Thủ tướng Chính phủ", "Bộ trưởng", "Bộ"; hoặc bãi bỏ cụm từ "Chính phủ", "Thủ tướng Chính phủ", "Bộ trưởng", "Bộ", cụm từ khác hoặc sửa đổi, bổ sung đối với trường hợp không thể thực hiện thay thế, bãi bỏ cụm từ đối với các điều khoản điểm tại các luật[7]. Trong đó, phân quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật là 54/112 Điều.

Nghị định số 131/2025/NĐ-CP đã xử lý 49 thẩm quyền, nhiệm vụ từ cấp huyện chuyển về cấp xã; 04 thẩm quyền, nhiệm vụ từ cấp huyện chuyển lên cấp tỉnh.

---

[7] ***Các điều luật cần xử lý tại Nghị định 136/2025/NĐ-CP:***

- Luật Bảo vệ môi trường: Khoản 3 Điều 15; điểm c khoản 1 Điều 19; khoản 1 Điều 35; Điểm e khoản 2 Điều 58; khoản 7 Điều 61; khoản 5 Điều 79; Điểm b khoản 3 Điều 90; điểm b khoản 1 Điều 109.

- Luật Trồng trọt: Khoản 2 Điều 12; khoản 8 Điều 15; khoản 3 Điều 16; khoản 3 Điều 17; khoản 4 Điều 21; khoản 7 Điều 24; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 5 Điều 29; khoản 5 Điều 36; khoản 4 Điều 37; khoản 3 Điều 38; khoản 2 Điều 40; khoản 4 Điều 41; khoản 3 Điều 42; khoản 3 Điều 44; khoản 4 Điều 45; khoản 4 Điều 46; khoản 2 Điều 49.

- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật: Điểm b khoản 2 Điều 37; khoản 5 Điều 67.

- Luật Thủy sản: khoản 10 Điều 10; điểm a khoản 3 Điều 12; điểm a, b khoản 3, khoản 4 Điều 13; điểm a, b khoản 3, khoản 4 Điều 16; điểm a khoản 2 Điều 17; khoản 5 Điều 21; điểm a khoản 2 Điều 23; khoản 5 Điều 25; khoản 5 Điều 34; khoản 2, điểm c khoản 3, khoản 5 Điều 27; khoản 4 Điều 28; khoản 6 Điều 35; khoản 2, khoản 5 Điều 36; khoản 4, 5 Điều 38; khoản 2, 3 Điều 39; khoản 3 Điều 40; khoản 3 Điều 40; khoản 4 Điều 45; điểm đ khoản 2 Điều 50; khoản 3 Điều 51; khoản 2 Điều 55; khoản 7 Điều 56; điểm k khoản 2 Điều 57; khoản 4 Điều 64; khoản 2, 3, 4 Điều 66; khoản 1 Điều 69; điểm d khoản 1 Điều 78; điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 79; điểm c khoản 3, khoản 7 Điều 98; khoản 3 Điều 99.

- Luật Chăn nuôi: Khoản 3 Điều 19; khoản 2 Điều 52; khoản 2 Điều 68; khoản 2, khoản 4 Điều 15; khoản 3 Điều 16; khoản 2 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 34; Điều 35; quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39; khoản 3 Điều 41.

- Luật Thú y: Điều 96; Điều 98; khoản 6 Điều 100; điểm b khoản 1 Điều 109; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 110.

- Luật Lâm nghiệp: Điểm a khoản 2 Điều 18; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 25; khoản 1 Điều 31; Khoản 2 Điều 38; khoản 2 Điều 49; điểm c, điểm d khoản 1 Điều 72; và điểm d khoản 1 Điều 102.

- Luật Thủy lợi: Điểm a khoản 1 Điều 21

- Luật Đê điều: Khoản 3, 4 Điều 26

- Luật Tài nguyên nước: Khoản 6 Điều 26, khoản 6 Điều 63

- Luật Đa dạng sinh học: khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 32; Khoản 2 Điều 37; khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 41; khoản 5 Điều 42; khoản 4 Điều 47; khoản 6 Điều 59; khoản 3 Điều 63; khoản 2 Điều 67.

- Luật Khí tượng thủy văn: Điểm b khoản 1 Điều 14; khoản 1, 2, 3,4 Điều 42; khoản 4, 5, 6, 7 Điều 44.

- Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo: Khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 24; điểm d khoản 5 Điều 41; khoản 1 Điều 36; khoản 4 Điều 49; khoản 1, 2 Điều 60; khoản 3 Điều 65.

- Luật Đo đạc và Bản đồ: Khoản 4 Điều 11; khoản 3, 5 Điều 36; điểm h khoản 2 Điều 57.

Theo đó, dự thảo Luật đã thực hiện sửa đổi, bổ sung 67 Điều tại 14 Luật[8] để quy định thẩm quyền, nhiệm vụ đã được chuyển đổi "tạm thời" tại Nghị định số 131/2025/NĐ-CP theo hướng thay đổi cụm từ "cấp huyện" bằng "cấp xã" hoặc "cấp tỉnh"; hoặc bãi bỏ cụm từ "cấp huyện" hoặc sửa đổi, bổ sung đối với trường hợp không thể thực hiện thay thế, bãi bỏ cụm từ đối với các điều khoản điểm tại các luật.

b) Nội dung phân quyền có thay đổi, điều chỉnh so với Nghị định số 136/2025/NĐ-CP, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP

- Điều chỉnh lại quy định về phân quyền, phân cấp liên quan đến sản xuất thức ăn chăn nuôi để xuất khẩu:

Theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã liên tục theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và rà soát lại các quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 131/2025/NĐ-CP; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP. Qua quá trình thực hiện, về cơ bản, các quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường đã đảm bảo tính khả thi, hợp lý, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, phát huy hiệu quả quản lý nhà nước.

Tuy nhiên, có một số quy định còn có khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, cần điều chỉnh lại để đảm bảo tính khả thi, thuận lợi trong quá trình áp dụng, cụ thể: Tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP quy định phân quyền một số nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thực hiện, trong đó có thẩm quyền *"Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (cơ sở sản xuất thức ăn bổ sung; cơ sở sản xuất đồng thời thức ăn bổ sung và thức ăn chăn nuôi khác; cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo đề nghị của bên nhập khẩu)*".

Trong thực tế, có thể các nước nhập khẩu thức ăn chăn nuôi yêu cầu các cơ sở sản xuất thức ăn để xuất khẩu phải được kiểm soát các điều kiện sản xuất bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở Trung ương. Vì vậy, để phù hợp với thực tiễn, dự thảo Luật quy định theo hướng: thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi vẫn phân quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thực hiện nhưng có điều chỉnh so với Nghị định 136/2025/NĐ-CP, quy định thẩm quyền cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp đối với trường hợp sản xuất thức ăn để xuất khẩu nếu nước nhập khẩu yêu cầu.

- Tiếp tục đẩy mạnh phân quyền so với Nghị định số 136/2025/NĐ-CP, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP: Bổ sung nội dung phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt quy hoạch ngành cấp vùng (quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thuỷ lợi lưu vực sông liên tỉnh) tại khoản 3 Điều 10 dự thảo Luật để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định về thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch (Điều 19) dự thảo Luật Quy hoạch (sửa đổi) đang được Bộ Tài

---

[8] *14 luật gồm*: Luật Chăn nuôi, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Luật Thú y, Luật Trồng trọt, Luật Thủy sản, Luật Thủy lợi, Luật Bảo vệ môi trường; Luật Phòng, Chống thiên tai, Luật Đê điều, Luật Tài nguyên nước, Luật Khí tượng thủy văn, Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo, Luật Đo đạc và Bản đồ, Luật Tài nguyên nước.

chính phủ trì xây dựng; Phân quyền cho Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt thay cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh được quy định tại Nghị định số 136/2025/NĐ-CP; Phân quyền thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy trình vận hành liên hồ chứa (trong một số trường hợp).

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT

1. Dự kiến nguồn lực đảm bảo thi hành Luật

Kinh phí tổ chức thi hành luật từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương; nguồn tài trợ từ các nhà tài trợ, tổ chức quốc tế và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện đảm bảo thi hành Luật

- Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật gồm các nội dung:

+ Ban hành các Nghị định, Thông tư quy định chi tiết để có hiệu lực thi hành đồng thời với Luật; các văn bản chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật

+ Tuyên truyền, phổ biến Luật: Xây dựng nội dung thông tin để tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Luật, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Luật.

+ Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương là nguồn nhân lực chủ yếu tổ chức thi hành luật. Sau khi Luật được ban hành và có hiệu lực, không làm tăng biên chế, nguồn nhân lực cơ bản đáp ứng yêu cầu của công tác triển khai thi hành Luật. Tuy nhiên, việc không tổ chức chính quyền địa phương cấp huyện dẫn đến khối lượng công việc mà chính quyền cấp tỉnh và cấp xã phải thực hiện sẽ rất lớn; nhiều việc mới, phức tạp, đòi hỏi phải được tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể. Điều này có thể làm phát sinh kinh phí để tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức thực hiện.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện: Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Luật và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật./.